



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 88

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-7-2017- Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biên đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 19-7-2017- Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 12-7-2017- Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8. 19

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- 10-7-2017- Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. 32

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- 31-7-2017- Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. 34

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 17-7-2017- Quyết định số 3745/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mới trên địa bàn huyện Củ Chi. 38
- 18-7-2017- Quyết định số 3763/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. 55

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 264/HĐND-KTNS ngày 23 tháng 5 năm 2017 về mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4573/STC-BVG ngày 12 tháng 6 năm 2016; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 10094 /STP-VB ngày 02 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quyết định này quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, gồm:

- a) Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;
- b) Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;
- c) Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao khu vực biển, khai thác sử dụng tài nguyên biển theo quy định.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Mức thu một héc ta (1ha) khu vực biển một (01) năm = diện tích khu vực biển được giao (ha) nhân (x) mức thu tiền sử dụng khu vực biển (ha).

Trong đó:

a) Diện tích khu vực biển được giao: áp dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT).

b) Mức thu tiền sử dụng vực biển (ha): được áp dụng tùy theo nhóm sử dụng khu vực biển như sau:

Nhóm	Mục đích sử dụng khu vực biển	Đơn giá (đồng/ha/năm)
1	Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu	3.000.000
2	Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện	4.000.000
3	Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển	5.000.000
4	Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ.	6.000.000
5	Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét.	7.500.000
6	Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.	3.000.000

c) Ghi chú: Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét (nhóm 5) cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh.

2. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa quy định mức thu cụ thể theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trong một số trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

Điều 4. Phương thức thu và xác định tiền sử dụng khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển được tính từ thời điểm quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm hoặc trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn được giao khu vực biển. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với từng hình thức được ghi cụ thể trên quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền theo đề xuất của tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ xin giao khu vực biển theo quy định.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp hàng năm được xác định bằng diện tích khu vực biển được giao quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp này được ổn định 05 (năm) năm tính từ thời điểm có quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp được xác định bằng diện tích được giao quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển do cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển quyết định nhân (x) với thời hạn giao khu vực biển;

b) Tổ chức, cá nhân trong trường hợp này được ổn định mức thu tiền cho cả thời hạn được giao khu vực biển.

5. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét theo quy định tại nhóm 5 Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định này phải nộp toàn bộ số tiền sử dụng khu vực biển một lần tương ứng với thời hạn sử dụng khu vực biển là 30 (ba mươi) năm và được ghi tại quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giò và người sử dụng khu vực biển

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền giao của thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trên địa bàn địa giới hành chính của Thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân thành phố; trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển;

b) Sử dụng kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển đúng quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế thành phố có trách nhiệm:

a) Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định tại Quyết định này;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định;

c) Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển;

d) Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Tổng cục Biên và Hải đảo Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi;

đ) Hàng năm tổng hợp số liệu về thu tiền sử dụng khu vực biển tại thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Tổng cục Thuế và Tổng cục Biên và Hải đảo Việt Nam.

4. Cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm:

a) Thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo

nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế;

b) Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính;

c) Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc và đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích sử dụng khu vực biển.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển:

a) Nộp tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế;

b) Quá thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

Điều 6. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ phản ánh kịp thời cho Sở Tài chính nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành (nếu có), giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định,
người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐ-BHXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 13879/TTr-SLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2017 về ban hành Quyết định về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quyết định này quy định tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là đối tượng).

2. Quyết định này áp dụng đối với đối tượng, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Những từ ngữ nêu tại Điều 1 của Quyết định này được hiểu như sau:

1. Người xin ăn: là những người đi xin dưới bất kỳ hình thức nào như đàn hát để xin, giả danh tu sĩ Phật giáo để đi khất thực hoặc những hành vi đi xin nhưng có tính đối phó khi kiểm tra như bán vé số, bán bánh, kẹo và các hành vi tương tự.

2. Người sinh sống nơi công cộng: là người thực hiện hoạt động sinh hoạt thường ngày như tắm, giặt, ăn, ngủ nơi công cộng.

3. Nơi công cộng: vỉa hè, lòng - lề đường, gầm cầu, quảng trường, công viên, vườn hoa, nơi vui chơi giải trí, nhà ga, trạm dừng xe buýt, bến xe, bến tàu, bến cảng, chợ và những nơi công cộng khác.

4. Người không có nơi cư trú ổn định là trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc có nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú nhưng không sinh sống tại đó và thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định.

Điều 3. Công tác quản lý

1. Tập trung đối tượng.

2. Xác minh nơi cư trú.

3. Giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng.

4. Tiếp nhận ban đầu tại các Trung tâm (sau đây gọi tắt là đơn vị tiếp nhận ban đầu):

a) Khu tiếp nhận ban đầu của Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 37 Phú Châu, phường Tam Phú, quận Thủ Đức): đối với người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định là người khuyết tật về thần kinh, tâm thần hoặc có dấu hiệu mắc các bệnh về thần kinh, tâm thần.

b) Trung tâm Hỗ trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 463 đường Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh): đối với người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định.

5. Tiếp nhận chăm, sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và các Trung tâm bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã

hội (sau đây gọi tắt là đơn vị tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng).

6. Tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi hết thời gian áp dụng biện pháp quản lý đối với các đối tượng không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu tiếp tục sống tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

Điều 4. Thời gian quản lý đối tượng

1. Thời gian thực hiện tiếp nhận ban đầu tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận ban đầu.

2. Thời gian thực hiện tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tối đa không quá 90 ngày, kể từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận ban đầu.

Điều 5. Tập trung đối tượng

Khi phát hiện người có hành vi xin ăn, sinh sống nơi công cộng, các quận, huyện thực hiện tập trung đối tượng và thực hiện xác minh nơi cư trú, giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng hoặc đưa đến các đơn vị tiếp nhận ban đầu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Xác minh nơi cư trú

1. Tại đơn vị quận, huyện khi phát hiện, tập trung đối tượng thực hiện:

a) Đối tượng có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận, huyện nơi tập trung: đơn vị tập trung thực hiện nhanh việc xác minh nơi cư trú ổn định theo địa chỉ đối tượng cung cấp;

- Trường hợp đối tượng *đã đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú* hoặc có người thân cư trú ổn định tại địa chỉ xác minh, đơn vị nhắc nhở và trực tiếp giải quyết hồi gia theo địa chỉ đối tượng cung cấp.

- Trường hợp đối tượng *đã đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú* nhưng không *sinh sống tại đó*, không *đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú* và không có người thân cư trú ổn định tại địa chỉ xác minh: đơn vị tập trung chuyển đối tượng đến các Trung tâm tiếp nhận ban đầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

b) Đối tượng không có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận, huyện nơi tập trung hoặc đối tượng không thể cung cấp địa chỉ cư trú: đơn vị tập trung chuyển đối tượng đến các Trung tâm tiếp nhận ban đầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

2. Tại các đơn vị tiếp nhận ban đầu: sau khi tiếp nhận ban đầu, trong thời gian

tối đa 05 ngày, Trung tâm thực hiện ngay việc xác minh địa chỉ cư trú theo địa chỉ do đối tượng cung cấp.

3. Tại các đơn vị tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng: sau khi tiếp nhận đối tượng do đơn vị tiếp nhận ban đầu chuyển đến, trong thời gian tối đa 07 ngày, đơn vị tiếp tục thực hiện xác minh địa chỉ cư trú theo thông tin đối tượng cung cấp.

Điều 7. Giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng

1. Việc giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng được thực hiện trong thời gian:

- Tập trung tại quận, huyện;
- Tiếp nhận ban đầu;
- Tiếp nhận chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng.

2. Việc giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng được thực hiện khi:

- Có người thân trực tiếp đến nơi đang tập trung, quản lý đối tượng tiếp nhận;
- Kết quả xác minh có nơi cư trú ổn định hoặc có người thân có nơi cư trú ổn định và đồng ý tiếp nhận.

3. Đối với các trường hợp trẻ em, người khuyết tật thân kinh tâm thần, người cao tuổi có sức khỏe yếu chỉ được giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng khi có người thân đến Trung tâm trực tiếp tiếp nhận.

4. Việc xác định mối quan hệ giữa đối tượng và người trực tiếp đến tiếp nhận được căn cứ dựa trên các giấy tờ tùy thân, hộ khẩu của các bên, hoặc các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

5. Việc giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quyết định này được thực hiện theo nguyện vọng của đối tượng, không yêu cầu phải có kết quả xác minh nơi cư trú ổn định.

Điều 8. Tiếp nhận ban đầu tại Khu tiếp nhận ban đầu của Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và Trung tâm Hỗ trợ xã hội

1. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận từ đơn vị tập trung, đơn vị thực hiện ngay việc xác minh nơi cư trú theo địa chỉ do đối tượng cung cấp; đồng thời lập hồ sơ và đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định tiếp nhận ban đầu đối với các đối tượng không có nơi cư trú ổn định.

2. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi thực hiện xác minh, địa phương nơi xác minh không có văn bản trả lời hoặc kết quả xác minh đối tượng không cư trú và

không có người thân cư trú tại địa chỉ xác minh, đơn vị tiến hành phân loại, lập hồ sơ và đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định tiếp nhận chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

3. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đơn vị tổ chức bàn giao đối tượng đến các Trung tâm bảo trợ xã hội.

4. Đối với đối tượng tiếp nhận ban đầu vào Trung tâm Hỗ trợ xã hội từ lần thứ 2 trở lên, Trung tâm Hỗ trợ xã hội đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận chăm sóc nuôi dưỡng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội không cần thực hiện xác minh nơi cư trú.

Điều 9. Tiếp nhận nuôi dưỡng chăm sóc tại Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và các Trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Trong thời gian chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội, đối tượng được hỗ trợ học văn hóa, học nghề và giới thiệu việc làm phù hợp.

2. Đối với đối tượng được tiếp nhận ban đầu và được chuyển đến Khu vực bảo trợ xã hội của Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và các Trung tâm bảo trợ xã hội: đơn vị tiếp tục xác minh nơi cư trú theo thông tin đối tượng cung cấp; giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quyết định này.

3. Đối với các trường hợp trẻ em, người khuyết tật thần kinh tâm thần, người cao tuổi có sức khỏe yếu chưa thể giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng sau khi hết thời gian quản lý: đơn vị lập danh sách và đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định.

Điều 10. Tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc sau khi hết thời gian áp dụng biện pháp quản lý

Trong vòng 10 ngày trước khi hết thời gian áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, các Trung tâm bảo trợ xã hội thực hiện tư vấn, tham vấn và tìm hiểu nguyện vọng của đối tượng.

Trường hợp đối tượng không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu tiếp tục sống tại các Trung tâm bảo trợ xã hội, đơn vị hướng dẫn đối tượng có thư trình bày nguyện vọng và chuyển đến Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét quyết định.

Điều 11. Thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng**1. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định:**

a) Tiếp nhận ban đầu tại Khu tiếp nhận ban đầu của Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần, Trung tâm Hỗ trợ xã hội;

b) Tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và các Trung tâm bảo trợ xã hội;

c) Tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội theo nguyện vọng của đối tượng.

2. Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ xã hội, Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần và các Trung tâm bảo trợ xã hội quyết định giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng cho đối tượng.

3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể việc xác minh nơi cư trú và quy định những trường hợp giải quyết hồi gia, hội nhập cộng đồng không cần thực hiện xác minh nơi cư trú.

Điều 12. Hồ sơ tiếp nhận ban đầu

Hồ sơ tiếp nhận đối tượng gồm:

1. Biên bản ghi nhận tiếp xúc;

2. Văn bản về việc xác nhận đối tượng xã hội không nơi nương tựa cần được giúp đỡ của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi phát hiện đối tượng;

3. Hồ sơ bệnh án, kết luận giám định của cơ sở y tế quận, huyện trở lên (nếu có);

4. Văn bản đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

5. Biên bản bàn giao của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện.

Điều 13. Hồ sơ quản lý đối tượng trong thời gian tiếp nhận ban đầu

Sau khi thực hiện tiếp nhận ban đầu, Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần, Trung tâm Hỗ trợ xã hội phải tiến hành lập hồ sơ cá nhân của từng đối tượng, bao gồm:

1. Phiếu lý lịch tự khai (có dán ảnh); Phiếu thông tin nhanh;

2. Các giấy tờ tùy thân (nếu có);

3. Sổ quản lý sức khỏe đối tượng;

4. Đơn xin học văn hóa, học nghề và giới thiệu việc làm (nếu có);

5. Quyết định tiếp nhận ban đầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 14. Chế độ, chính sách chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng đối với người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định

1. Các đối tượng được chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; Nghị định số 81/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2008/NĐ-CP và Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh một số chế độ, chính sách hỗ trợ cho đối tượng người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý.

2. Các đối tượng được tiếp nhận và quản lý tại Khu tiếp nhận ban đầu của Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần được thực hiện chế độ chăm sóc, quản lý tương tự các đối tượng tại Trung tâm Hỗ trợ xã hội.

3. Mức kinh phí thực hiện chế độ quản lý, chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội được điều chỉnh trong từng thời điểm theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Các Trung tâm bảo trợ xã hội tổ chức lao động, sản xuất, tạo việc làm phù hợp với khả năng, điều kiện của Trung tâm bảo trợ xã hội và của đối tượng, đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, quận, huyện, đơn vị tổ chức triển khai và thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ xã hội tăng cường công tác phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tập trung đối tượng xin ăn, sinh sống nơi công cộng; cụ thể khi phát hiện người xin ăn, người sinh sống nơi công cộng, Trung tâm thực hiện tập trung đối tượng và bàn giao về trụ sở Ủy ban nhân dân hoặc Công an phường, xã, thị trấn gần nhất. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp tục lập hồ sơ và giải quyết theo quy định.

c) Chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ xã hội, các Trung tâm bảo trợ xã hội phối hợp cung cấp thông tin cho Công an thành phố trong trường hợp các đối tượng được chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng tại các Trung tâm có dấu hiệu thuộc đường dây chần dặt người xin ăn.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức liên quan chăm sóc sức khỏe, dạy văn hóa, dạy nghề cho các đối tượng trong thời gian quản lý, nuôi dưỡng tập trung;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về các chính sách, chế độ cụ thể tại Điều 14 của Quyết định này;

e) Mở rộng nhà lưu trú tại Trung tâm Hỗ trợ xã hội để hỗ trợ cho người từ các tỉnh, thành phố khác đến Thành phố Hồ Chí Minh khi gặp khó khăn, cơ nhỡ.

g) Duy trì Khu tiếp nhận ban đầu tại Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần thực hiện tiếp nhận đối tượng do các quận, huyện chuyển đến, phân loại và quản lý đối tượng trong thời gian ban đầu.

2. Công an thành phố:

a) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức triển khai và thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý triệt để, nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với người có hành vi tổ chức, xúi giục, ép buộc người khác đi xin ăn.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí hoạt động hàng năm cho các đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại Quyết định này;

b) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo chính sách, chế độ quy định cho đối tượng trong suốt thời gian tập trung quản lý theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Sở Nội vụ:

Đảm bảo đủ chỉ tiêu biên chế, nhân sự cho các đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định theo quy định.

5. Sở Y tế:

Hướng dẫn các đơn vị, cơ sở y tế thực hiện:

a) Tiếp nhận và điều trị đến khi đảm bảo ổn định sức khỏe cho đối tượng là người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định do quận, huyện tập trung chuyên đến.

b) Thăm khám, chẩn đoán cho đối tượng có dấu hiệu khuyết tật thần kinh, tâm thần do quận, huyện chuyên đến.

6. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố:

Phối hợp với Công an thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để ngăn chặn các trường hợp ăn xin đeo bám du khách.

7. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Xây dựng kế hoạch phối hợp các ngành có liên quan trong việc tập trung người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn để đưa vào Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần, Trung tâm Hỗ trợ xã hội và các Trung tâm Bảo trợ xã hội theo quy định;

b) Có hình thức hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm để ổn định đời sống cho đối tượng cư trú tại quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

c) Ủy ban nhân dân quận, huyện cân đối ngân sách quận, huyện để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ tập trung người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, tổ chức đoàn thể và các cơ quan thông tin đại chúng:

a) Thông tin, tuyên truyền thường xuyên và liên tục về chủ trương của Ủy ban

nhân dân thành phố về việc giải quyết tình trạng người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố;

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân không cho tiền trực tiếp các đối tượng xin ăn trên đường phố; vận động người dân có lòng hảo tâm nên gửi tiền hoặc hiện vật đến các quỹ từ thiện của các tổ chức, đơn vị có chức năng làm công tác từ thiện xã hội để hỗ trợ cho các đối tượng xã hội;

c) Hướng dẫn quận, huyện tiếp tục duy trì, phát huy và nâng cao chất lượng hoạt động của Câu lạc bộ Ông bà cháu; triển khai thực hiện và đẩy mạnh cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này thay thế Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2017/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 12 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8 (tại Công văn số 129/VP-THKH ngày 13 tháng 4 năm 2017) và Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8 (tại Tờ trình số 128/TTr-PNV ngày 22 tháng 6 năm 2017) và ý kiến thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 8 tại Báo cáo số 69/BC-TP ngày 26 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân

Quận 8 về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8 Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8, Trưởng Phòng Tư pháp Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quang Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND

ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8 (sau đây gọi tắt là Văn phòng) là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8.

Văn phòng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí hoạt động; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chức năng

Tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8 về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8 và các cơ quan nhà nước trên địa bàn Quận 8; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận; trực tiếp quản lý và chỉ đạo hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất

cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8 giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình chương trình, kế hoạch hoạt động hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và cả năm, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8 và các báo cáo khác của Ủy ban nhân dân Quận 8 theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8.

2. Kịp thời báo cáo, điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8.

3. Thực hiện công tác tổng hợp, thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất được giao theo quy định của pháp luật.

4. Chuẩn bị các báo cáo phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công việc chung của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8 theo quy định của pháp luật.

5. Đối với việc tổ chức phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8 có các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8, các Ban của Hội đồng nhân dân quận, các đại biểu Hội đồng nhân dân quận; phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân quận; bảo đảm việc thực hiện quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân quận; giúp Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 giữ mối liên hệ với Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; phục vụ Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Quận 8 trong hoạt động đối ngoại; phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8 tiếp xúc cử tri; giúp Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 tổng hợp ý kiến, nguyện

vọng của nhân dân và gửi cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xem xét giải quyết;

b) Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 xây dựng chương trình, tổ chức phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân quận; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, cuộc họp của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân quận; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân quận;

c) Tham mưu, phục vụ các Ban của Hội đồng nhân dân Quận 8 thẩm tra dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án; giúp Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 hoàn thiện các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận;

d) Tham mưu, phục vụ Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8 và đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8 trong hoạt động giám sát; khảo sát, theo dõi, tổng hợp, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện Nghị quyết về giám sát;

đ) Phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 và đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8 tiếp công dân; tiếp nhận, tham mưu xử lý kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của cơ quan, tổ chức, công dân gửi đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân quận; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cơ quan, tổ chức, công dân;

e) Phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào dự án Luật, dự án Pháp lệnh và các văn bản khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

g) Phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường;

h) Tham mưu, phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 giải quyết các vấn đề giữa hai kỳ họp; giúp các Ban của Hội đồng nhân dân Quận 8 thẩm tra các văn bản do Ủy ban nhân dân trình giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân quận;

i) Phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Quận 8 trong công tác giao ban, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

k) Phục vụ Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của

Hội đồng nhân dân Quận 8 giữ mối liên hệ công tác với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân Quận 8, Thường trực Quận ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn Quận 8;

l) Được ký văn bản thông báo ý kiến, kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8; được quyền đề nghị hoặc yêu cầu các đơn vị cùng cấp, cấp dưới phối hợp thực hiện nhiệm vụ; được quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8 và đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8 hoạt động theo quy định;

m) Giúp Hội đồng nhân dân Quận 8 trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn kết quả bầu cử, phê chuẩn việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận; Tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân Quận 8 phê chuẩn kết quả bầu cử, phê chuẩn việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường;

n) Thực hiện chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân Quận 8.

6. Đối với chức năng là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Quận 8:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Quận 8 ban hành:

- Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Quận 8;

- Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Ban Tiếp công dân Quận 8 trực thuộc Văn phòng;

- Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

- Văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng;

- Quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hàng năm, các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 kiểm tra, đôn đốc, tổng kết việc thực hiện Quy chế theo đúng quy định;

c) Theo dõi, nắm tình hình hoạt động chung của Ủy ban nhân dân Quận 8;

d) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân quận; thu thập, xử lý thông tin, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 đưa

vào chương trình, kế hoạch công tác những vấn đề cần tập trung chỉ đạo, điều hành hoặc giao cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án, dự án, dự thảo văn bản;

đ) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 thực hiện nhiệm vụ trước Hội đồng nhân dân quận; tiếp xúc, báo cáo, trả lời kiến nghị của cử tri;

e) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 ban hành nội quy tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân ở Quận 8;

g) Triệu tập, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, phục vụ các cuộc họp của Ủy ban nhân dân Quận 8;

h) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 chỉ đạo, áp dụng biện pháp cần thiết giải quyết công việc trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp;

i) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 cải tiến lề lối làm việc; duy trì kỷ luật, kỷ cương của bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương;

k) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp Quận 8 và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện rà soát thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân quận, phường trình Ủy ban nhân dân Quận 8 chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi của Văn phòng;

l) Tiếp nhận, xử lý, trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 giải quyết những văn bản, hồ sơ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi, trình (văn bản đến):

- Đối với đề án, dự án, dự thảo văn bản do các cơ quan trình: Kiểm tra hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản; tóm tắt nội dung, nêu rõ thẩm quyền quyết định, sự đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 đối với vấn đề liên quan, đề xuất một trong các phương án: ban hành, phê duyệt; đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân quận; gửi lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân quận; thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 yêu cầu cơ quan soạn thảo hoàn chỉnh lại, bổ sung ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận.

Trong quá trình xử lý, nếu đề án, dự án, dự thảo văn bản còn ý kiến khác nhau, chủ trì họp với cơ quan, tổ chức liên quan để trao đổi trước khi trình.

- Đối với dự thảo báo cáo, bài phát biểu: phối hợp với các cơ quan liên quan biên tập, hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8;

- Đối với văn bản khác: kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 giao cơ quan liên quan triển khai thực hiện; tổ chức các điều kiện cần thiết để Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 xử lý theo quy định của pháp luật và nội dung văn bản đến.

m) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

7. Quản lý, chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

8. Phát hành, quản lý, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận:

a) Quản lý, sử dụng con dấu, phát hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8;

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8; định kỳ rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành;

c) Rà soát nhằm phát hiện vướng mắc, phát sinh về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục và nghiệp vụ hành chính văn phòng trong quá trình chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8; kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8 sửa đổi, bổ sung; hàng năm, tổng hợp, báo cáo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Lưu trữ văn bản, hồ sơ, tài liệu, báo cáo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

9. Theo dõi, chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện công tác tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện chế độ thông tin:

a) Tổ chức quản lý, cập nhật thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8;

b) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về hoạt động của Cổng thông tin điện tử và kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận;

c) Thiết lập, quản lý và duy trì hoạt động mạng tin học của Hội đồng nhân dân,

Ủy ban nhân dân Quận 8.

11. Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật:

a) Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8;

b) Phục vụ các chuyên công tác, làm việc, tiếp khách của Hội đồng nhân dân quận, Ủy ban nhân dân quận.

12. Hướng dẫn nghiệp vụ hành chính văn phòng:

Chủ trì tổng kết, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ hành chính văn phòng, công tác tiếp dân đối với Hội đồng nhân dân phường, công chức Văn phòng - Thống kê phường.

13. Thực hiện nhiệm vụ quản trị nội bộ:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt liên quan đến hoạt động của Văn phòng;

b) Tiếp nhận, xử lý văn bản do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Văn phòng; ban hành và quản lý văn bản theo quy định;

c) Nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ được giao;

d) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, số lượng người làm việc thuộc Văn phòng;

đ) Quản lý tổ chức cán bộ, công chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách quy hoạch, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng;

e) Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định.

14. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Văn phòng có Chánh Văn phòng, không quá 03 Phó Chánh Văn phòng và các công chức khác.

a) Chánh Văn phòng là người đứng đầu Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8 và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân Quận 8 do Hội đồng nhân dân Quận 8 quyết định.

Chánh Văn phòng có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 và Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức, hoạt động của Văn phòng; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Quận 8 và Ủy ban nhân dân Quận 8 khi được yêu cầu; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, các tổ chức chính trị - xã hội Quận 8 giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Phó Chánh Văn phòng là người giúp Chánh Văn phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Một Phó Chánh Văn phòng phụ trách, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý Trụ sở Tiếp công dân quận.

Khi Chánh Văn phòng vắng mặt, một Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Văn phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác Văn phòng phải là những người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi; được áp dụng chế độ, chính sách đãi ngộ theo quy định của pháp luật; được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực công chức, Văn phòng tổ chức thành các bộ phận gồm:

- Ban Tiếp công dân;
- Tổ Tiếp nhận và trả kết quả;
- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Hành chính - Văn thư - Lưu trữ;

- Tổ Công nghệ Thông tin;
- Tổ Kế toán - Tài vụ - Quản trị;
- Tổ Bảo vệ - Phục vụ.

Tùy theo quy mô hoạt động, tính chất công việc và nhân sự cụ thể, Văn phòng bố trí công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Văn phòng, phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và trong tổng biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Văn phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Văn phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Văn phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Văn phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Văn phòng khác, Phó Chánh Văn phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Văn phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Văn phòng hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Văn phòng trực tiếp yêu cầu chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Văn phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Văn phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng dự hội ý và giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8.

2. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố: Văn phòng chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với Văn phòng Quận ủy Quận 8: Văn phòng phối hợp với Văn phòng Quận ủy Quận 8 xây dựng chương trình làm việc, lịch công tác, cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quận ủy Quận 8.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8: thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Văn phòng chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Văn phòng tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội Quận 8: Văn phòng có trách nhiệm phối hợp thường xuyên với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng để nắm bắt và cung cấp các thông tin có liên quan đến chỉ đạo điều hành hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 thực hiện Quy chế phối hợp theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Văn phòng có quan hệ chặt chẽ với Ủy ban nhân dân phường; đôn đốc việc thực hiện các quyết định, chỉ thị và các chủ trương của Ủy ban nhân dân quận; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường về nghiệp vụ hành chính, công tác tiếp công dân đảm bảo sự thống nhất trên địa bàn Quận 8 theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Chánh Văn phòng có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Văn phòng phù hợp với đặc điểm của quận, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định để thi hành.

Điều 9. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng sau khi được Ủy ban nhân dân Quận 8 ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Quang Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:04/2017/QĐ-UBND

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;**Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 38/TTr-TP ngày 13 tháng 6 năm 2017.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Bãi bỏ 03 văn bản:**

1. Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 13/02/2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thể dục và Thể thao quận Bình Thạnh.

Lý do: Không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

2. Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn quận Bình Thạnh.

Lý do: Không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

3. Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân.

Lý do: Không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, các phòng, ban chuyên môn thuộc quận và các Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Song Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2017/QĐ-UBND

Hóc Môn, ngày 31 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp huyện tại Tờ trình số 248/TTr-TP ngày 27 tháng 7 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 06 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành do không còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (*danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Hồng Ngọc

DANH MỤC
BÃI BỎ CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BAN HÀNH
(Kèm theo Quyết định số: 05/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do bãi bỏ
1	Quyết định	05/2007/QĐ-UBND Ngày 26/10/2007	Về ban hành quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng tự nguyện ở xã - thị trấn	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành
2	Quyết định	13/2009/QĐ-UBND Ngày 11/11/2009	Về ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020 trên địa bàn huyện Hóc Môn	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành
3	Quyết định	1700/QĐ-UBND Ngày 18/8/2011	Về ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Hóc Môn	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành
4	Quyết định	06/2012/QĐ-UBND Ngày 17/8/2012	Về ban hành quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Hóc Môn	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do bãi bỏ
5	Quyết định	05/2013/QĐ-UBND Ngày 03/9/2013	Về ban hành quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang liệt sỹ Tân Xuân - huyện Hóc Môn	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành
6	Quyết định	07/2013/QĐ-UBND Ngày 24/10/2013	Ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn huyện Hóc Môn	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3745/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Về việc đặt tên đường mới trên địa bàn huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại thành phố;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 3987/TTr-SVHTT-DSVH ngày 10 tháng 7 năm 2017 về đặt tên đường mới trên địa bàn huyện Củ Chi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên mới cho 185 (một trăm tám mươi lăm) tuyến đường trên địa bàn huyện Củ Chi (danh sách tên đường kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công an thành phố, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Đường đặt tên mới trên địa bàn huyện Củ Chi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3745/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÝ TRÌNH
1.	HUỖNH THỊ HUÊ	Đặt tên cho đường 683 (Xã Thái Mỹ). Từ Tỉnh lộ 7 đến Kênh N38.7.
2.	PHẠM THỊ LIÊN	Đặt tên cho đường 687 (Xã Thái Mỹ). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường Trương Thị Kiện.
3.	NGUYỄN THỊ LAN	Đặt tên cho đường 694 (Xã Thái Mỹ). Từ Tỉnh lộ 7 đến Kênh N38.7
4.	DƯƠNG THỊ YÊM	Đặt tên cho Hẻm 505 Tỉnh lộ 7 + Hẻm 41 đường Đoàn Triết Minh (Xã Thái Mỹ). Từ đường 696 đến Tỉnh lộ 7.
5.	TRẦN THỊ NGON	Đặt tên cho Hẻm số 7 đường Đoàn Triết Minh (Xã Thái Mỹ). Từ đường 696 đến đường Đoàn Triết Minh.
6.	DƯƠNG THỊ HÈN	Đặt tên cho Hẻm số 8 đường 699 (Xã Thái Mỹ). Từ đường 699 đến Kênh Rọc Cầu Sen.
7.	LÊ THỊ KỊA	Đặt tên cho đường 702 + đường 699 (Xã Thái Mỹ). Từ đường Đoàn Triết Minh đến đường Cây Trôm – Mỹ Khánh.
8.	HỒ THỊ GỪNG	Đặt tên cho đường 697 (Xã Thái Mỹ). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường 698.
9.	NGUYỄN THỊ THI	Đặt tên cho đường 701(Xã Thái Mỹ). Từ đường 700 đến Kênh N38.5B.

10.	NGUYỄN THỊ MĂNG	Đặt tên cho Hẻm 263 đường Cây Trôm – Mỹ Khánh (Xã Thái Mỹ). Từ đường Cây Trôm – Mỹ Khánh đến Kênh 17.
11.	NGUYỄN THỊ CHIỀU	Đặt tên cho đường 808 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến Rạch Bà Phước .
12.	ĐỖ THỊ CỎ	Đặt tên cho đường 805 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Cây Gõ.
13.	NGUYỄN THỊ NÀ	Đặt tên cho đường 794 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Cây Gõ.
14.	NGUYỄN THỊ SỬA	Đặt tên cho đường 796 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến ranh Hợp tác xã Một thoáng Việt Nam.
15.	ĐỖ THỊ CHUÔI	Đặt tên cho đường 771 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Cây Gõ.
16.	HỨA THỊ HÔN	Đặt tên cho đường 772 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường 771.
17.	PHAN THỊ SỬU	Đặt tên cho đường 776 (Xã An Phú). Từ đường Cây Gõ đến sông Sài gòn.
18.	NGUYỄN THỊ DÔI	Đặt tên cho đường 786 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Cây Gõ.
19.	TRẦN THỊ LỘC	Đặt tên cho đường 789 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Cây Gõ.
20.	NGUYỄN THỊ THẮNG	Đặt tên cho đường 779 + đường 783 (Xã An Phú). Từ Tỉnh lộ 15 đến Rạch Ông Lỡ.
21.	NGUYỄN THỊ HE	Đặt tên cho đường 735 (Xã Trung Lập Thượng). Từ đường Trung Lập đến đường Trung Lập.
22.	NGUYỄN THỊ NÁO	Đặt tên cho đường 724 (Xã Trung Lập Thượng). Từ đường Trung Hưng đến Tỉnh lộ 2.
23.	PHẠM THỊ ĐIỆP	Đặt tên cho đường 712 (Xã Trung Lập Thượng). Từ đường Võ Văn Điều đến đường Trung Lập.
24.	LÝ THỊ HUÊ	Đặt tên cho đường 713 (Xã Trung Lập Thượng). Từ đường 712 đến đường Võ Văn Điều .

25.	NGUYỄN THỊ HE	Đặt tên cho đường 706 (Xã Trung Lập Thượng). Từ đường 667 đến Tỉnh lộ 7.
26.	NGUYỄN THỊ NGOẠN	Đặt tên cho đường 703 (Xã Trung Lập Thượng). Từ Tỉnh lộ 7 đến hết tuyến (giáp ruộng).
27.	ĐINH THỊ KIÊM	Đặt tên cho đường 714 (Xã Trung Lập Thượng). Từ Tỉnh Lộ 2 đến ranh Tỉnh Tây Ninh.
28.	TRẦN THỊ NỊ	Đặt tên cho 1 đoạn đường 709 + Hẻm 26 + 1 đoạn đường 710 (Xã Trung Lập Thượng). Từ Kênh Đông đến Tỉnh lộ 2.
29.	NGUYỄN THỊ ĐÂY	Đặt tên cho 1 đoạn đường 721 + đường 718 (Xã Trung Lập Thượng). Từ đường Trung Lập đến đường Trung Lập.
30.	PHẠM THỊ RỰC	Đặt tên cho đường Gót Chàng - Xóm Bung (Xã An Nhơn Tây). Từ đường Bến Đình đến đường 538.
31.	NGUYỄN THỊ THANH	Đặt tên cho đường Chín Tiệp (Xã An Nhơn Tây). Từ Tỉnh lộ 15 đến giáp rạch.
32.	TRẦN THỊ THUẬN	Đặt tên cho đường Bệnh Viện (Xã An Nhơn Tây). Từ Tỉnh lộ 7 đến Tỉnh lộ 15.
33.	PHẠM THỊ THAN	Đặt tên cho đường Mũi Giáo (Xã An Nhơn Tây). Từ đường An Nhơn Tây đến Tỉnh lộ 7 .
34.	NGUYỄN THỊ CHÌ	Đặt tên cho đường Nguyễn Điền (Xã An Nhơn Tây). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường Bến Đình.
35.	ĐÀO THỊ THƠM	Đặt tên cho đường Cây Xăng ấp Xóm Trại (Xã An Nhơn Tây). Từ đường An Nhơn Tây đến Tỉnh lộ 7 .
36.	TẶNG THỊ HỘI	Đặt tên cho đường Xóm Trại - Gót Chàng (Xã An Nhơn Tây). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường Bến Đình.
37.	NGUYỄN THỊ NHƯƠNG	Đặt tên cho đường Ba Sòng (Xã An Nhơn Tây). Từ đường Đỗ Đăng Tuyển đến Kênh N25.
38.	BÙI THỊ NGỌN	Đặt tên cho đường Xóm Mới - Trảng Xếp (Xã An Nhơn Tây).

		Từ đường An Nhơn Tây đến Tỉnh lộ 7.
39.	HUỲNH THỊ XĂNG	Đặt tên cho đường Bà Chùm (Xã An Nhơn Tây). Từ Tỉnh lộ 7 đến hết tuyến (giáp ruộng).
40.	NGUYỄN THỊ TIỆP	Đặt tên cho đường 11 (Thị trấn Củ Chi). Từ Quốc lộ 22 đến Tỉnh lộ 8.
41.	NGUYỄN THỊ SÁNG	Đặt tên cho đường 39 (Thị trấn Củ Chi). Từ đường Nguyễn Đình Huân đến Kênh N31A.
42.	TRẦN THỊ HY	Đặt tên đường số 506 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Nhuận Đức đến đường số 510.
43.	ĐẶNG THỊ NGUYỄN	Đặt tên cho đường số 515 (Xã Nhuận Đức). Từ đường số 516 đến hết tuyến (giáp ruộng Ấp Bàu Cạp).
44.	NGUYỄN THỊ LỘC	Đặt tên cho đường số 516 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Nguyễn Thị Rành đến đường Nhuận Đức.
45.	TRẦN THỊ TRIỂN	Đặt tên cho đường 523 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Nguyễn Thị Rành đến đường Nhuận Đức.
46.	NGUYỄN THỊ ĐÁT	Đặt tên cho đường số 527 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Nguyễn Thị Rành đến đường Bà Thiên.
47.	ĐOÀN THỊ MỐI	Đặt tên cho đường 529 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Nguyễn Thị Rành đến Kênh Đức Lập.
48.	NGUYỄN THỊ BỪNG	Đặt tên cho đường 531 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Nguyễn Thị Rành đến Kênh N25 - 7B.
49.	NGUYỄN THỊ DẠNG	Đặt tên cho đường 537 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Bà Thiên đến đường Bàu Lách.
50.	NGUYỄN THỊ DÒN	Đặt tên cho đường 538 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Gót Chàng đến Tỉnh lộ 15.
51.	TRẦN THỊ XONG	Đặt tên cho đường 540 (Xã Nhuận Đức). Từ đường Bàu Lách đến Tỉnh lộ 15.

52.	TRẦN THỊ BÀU	Đặt tên cho đường 356 (Xã Tân An Hội). Từ Quốc lộ 22 đến đường Lê Minh Nhựt.
53.	LÊ THỊ DỆT	Đặt tên cho đường 372 (Xã Tân An Hội). Từ đường Phan Văn Khên đến Quốc lộ 22.
54.	NGÔ THỊ PHIÊN	Đặt tên cho đường 369 (Xã Tân An Hội). Từ đường Nguyễn Văn Lịch đến ranh Xã Phước Hiệp.
55.	NGUYỄN THỊ RÕ	Đặt tên cho đường 367 (Xã Tân An Hội). Từ Tỉnh lộ 8 đến hết tuyến (giáp ruộng ấp Mũi Lớn 2).
56.	MAI THỊ CHỮNG	Đặt tên cho đường Hẻm 63, Quốc lộ 22 (Xã Tân An Hội). Từ Quốc lộ 22 đến đường Nguyễn Văn Lịch.
57.	TRẦN THỊ DU	Đặt tên cho đường 363 (Xã Tân An Hội). Từ đường Lê Minh Nhựt đến đường Lê Minh Nhựt.
58.	TRẦN THỊ HẢI	Đặt tên cho đường 363 và đường 364 (Xã Tân An Hội). Từ đường Lê Minh Nhựt đến đường Lê Minh Nhựt.
59.	TRÌNH THỊ GẮT	Đặt tên cho đường 366 (Xã Tân An Hội). Từ Tỉnh lộ 8 đến Kênh N46-6.
60.	NGUYỄN THỊ CHIÊN	Đặt tên cho đường 388 (Xã Tân An Hội). Từ đường Nguyễn Văn Khạ đến ranh xã Trung Lập Hạ.
61.	BÙI THỊ BÙNG	Đặt tên cho đường 368 (Xã Tân An Hội). Từ đường 367 đến đường Bàu Tre .
62.	LÊ THỊ KHÁNH	Đặt tên cho đường Bà Hấn – Ông Trọi (Xã Trung Lập Hạ). Từ đường 562 đến Tỉnh lộ 2.
63.	TRẦN THỊ RỘNG	Đặt tên cho đường Ông Tài (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 2 đến hết tuyến (cách điểm đầu 491 m).
64.	TRẦN THỊ CHỌN	Đặt tên cho đường Ấp Đồn (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường 597.
65.	NGUYỄN THỊ KIỆP	Đặt tên cho đường Trung Lập Hạ - Phước Hiệp (Xã Trung Lập Hạ). Từ đường Nguyễn Thị Rành đến Kênh N31A-2D.

66.	ĐẶNG THỊ TÔ	Đặt tên cho đường Lào Táo Trung tuyến 1 (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường Ba Sa.
67.	NGUYỄN THỊ CÀN	Đặt tên cho đường Tỉnh lộ 2 – Văn phòng ấp (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 2 đến đường 565.
68.	VÕ THỊ ĐỒNG	Đặt tên cho đường Lào Táo Trung 3 (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 7 đến Tỉnh lộ 7.
69.	PHẠM THỊ ĐIỀU	Đặt tên cho đường liên ấp Xóm Mới – ấp Gia Bẹ (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 2 đến Tỉnh lộ 2 .
70.	NGUYỄN THỊ BÈN	Đặt tên cho đường Ông Xích (Xã Trung Lập Hạ). Từ Tỉnh lộ 7 đến đường 597.
71.	NGUYỄN THỊ NY	Đặt tên cho đường số 30 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 8 đến đường Bến Lội.
72.	TRƯƠNG THỊ BUÔN	Đặt tên cho đường số 26 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ đường số 24 đến Tỉnh lộ 8.
73.	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	Đặt tên cho đường số 24 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ đường Bến Lội đến Tỉnh lộ 8 .
74.	NGUYỄN THỊ QUỠ	Đặt tên cho đường số 18 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 8 đến Kênh địa phận.
75.	TRẦN THỊ KHOE	Đặt tên cho đường số 22 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 8 đến Tỉnh lộ 15.
76.	HỒ THỊ BỤNG	Đặt tên cho đường số 13 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ đường số 22 đến đường Nguyễn Thị Dây.
77.	TRẦN THỊ LAN	Đặt tên cho đường số 01 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 8 đến Tỉnh lộ 8.
78.	LÊ THỊ SỌC	Đặt tên cho đường số 09 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 8 đến Tỉnh lộ 15.
79.	VÕ THỊ LÒNG	Đặt tên cho đường số 03 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Nguyễn Thị Xa.

80.	TRẦN THỊ LỚN	Đặt tên cho đường Hẻm 409 + 391 Tỉnh lộ 8 (Xã Tân Thạnh Tây). Từ Tỉnh lộ 8 đến Tỉnh lộ 8.
81.	NGUYỄN THỊ TIẾP	Đặt tên cho đường số 609 (Xã Phước Hiệp). Từ đường Trung Việt đến hết tuyến (giáp ruộng).
82.	NGUYỄN THỊ NỊ	Đặt tên cho đường số 607 (Xã Phước Hiệp). Từ Quốc lộ 22 đến Kênh Đông.
83.	NGUYỄN THỊ NHIA	Đặt tên cho đường số 608 (Xã Phước Hiệp). Từ Quốc lộ 22 đến đường Ba Sa.
84.	PHẠM THỊ THUNG	Đặt tên cho đường số 627 (Xã Phước Hiệp). Từ Quốc lộ 22 đến đường Cây Trôm – Mỹ Khánh.
85.	PHẠM THỊ THÀNG	Đặt tên cho đường số 626 (Xã Phước Hiệp). Từ đường Cây Trôm – Mỹ Khánh đến đường Cây Trôm – Mỹ Khánh.
86.	CAO THỊ BÈO	Đặt tên cho đường số 613 + 625 (Xã Phước Hiệp). Từ đường 626 đến Quốc lộ 22.
87.	NGUYỄN THỊ THẠO	Đặt tên cho đường 610 (Xã Phước Hiệp). Từ đường Ba Sa đến Kênh Quyết Thắng.
88.	LÊ THỊ CHỪNG	Đặt tên cho đường Đồng Củ Chi (Xã Phước Hiệp). Từ đường Cây Trôm – Mỹ Khánh đến đường 626.
89.	NGUYỄN THỊ NÉP	Đặt tên cho đường 113 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Bến Than
90.	NGUYỄN THỊ DƯỠNG	Đặt tên cho đường 117 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Huỳnh Minh Mương.
91.	LÊ THỊ BAY	Đặt tên cho đường 123 - Xã Tân Thạnh Đông. Từ Tỉnh lộ 15 đến hết tuyến (giáp ruộng Ấp 6).
92.	LÊ THỊ NGHIÊN	Đặt tên cho đường 121 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ Kênh Tiêu Ranh Hòa Phú – Tân Thạnh Đông đến Tỉnh lộ 15.
93.	LÝ THỊ XÂM	Đặt tên cho đường 118 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến hẻm 51 đường Nguyễn Kim Cương.

94.	NGUYỄN THỊ ĐẶNG	Đặt tên cho đường 119 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến Rạch Đường Khai.
95.	ĐẶNG THỊ THƯA	Đặt tên cho đường 116 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ đường Huỳnh Minh Mương đến đường Bến Than.
96.	LÊ THỊ ĐÀO	Đặt tên cho đường hẻm 27 và 34 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ đường 116 đến đường 113.
97.	NGUYỄN THỊ NHU	Đặt tên cho đường 109 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Bến Than.
98.	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Đặt tên cho đường 139 (Xã Tân Thạnh Đông). Từ đường Nguyễn Kim Cương đến hết tuyến (giáp ruộng Ấp 9).
99.	CAO THỊ ĐÁO	Đặt tên cho đường Sáu Chiếu (Xã Hòa Phú). Từ Tỉnh lộ 8 đến đường 211.
100.	HUỖNH THỊ XUA	Đặt tên cho đường liên ấp 1A – 5 (Xã Hòa Phú). Từ đường liên ấp 4 -5 đến Tỉnh lộ 8.
101.	TRẦN THỊ KIỀU	Đặt tên cho đường Ông Tám Bông (Xã Hòa Phú). Từ Tỉnh lộ 8 đến đường 230.
102.	TRẦN THỊ HỒ	Đặt tên cho đường Xóm Bung 1 (Xã Hòa Phú). Từ Tỉnh lộ 8 đến sông Sài Gòn.
103.	HUỖNH THỊ CƯỜNG	Đặt tên cho đường Miếu (Xã Hòa Phú). Từ Bến Than đến mương thoát nước.
104.	HUỖNH THỊ ĐÁT	Đặt tên cho đường Đình Ấp 4 (Xã Hòa Phú). Từ đường Ông Neo đến hết tuyến (ranh Khu công nghiệp Cơ khí ô tô Thành phố Hồ Chí Minh).
105.	DU THỊ HỒI	Đặt tên cho đường liên ấp 4 – 5 (Xã Hòa Phú). Từ đường Sông Lu đến Tỉnh lộ 8.
106.	ĐỖ THỊ PHỔ	Đặt tên cho đường Ông Ba Mía (Xã Hòa Phú). Từ đường liên ấp 4-5 đến hết tuyến (giáp đồng ruộng Ấp 5).

107.	VÕ THỊ HẾT	Đặt tên cho đường Ông Năm Chồn (Xã Hòa Phú). Từ đường Sông Lu đến đường Sông Lu.
108.	DƯƠNG THỊ TÈN	Đặt tên cho đường Ông Năm Hùng (Xã Hòa Phú). Từ đường Sông Lu đến đường 214.
109.	NGUYỄN THỊ ĐÓ	Đặt tên cho đường số 435 Ấp Phú Hòa (Xã Phú Hòa Đông). Từ Nguyễn Thị Nê đến Tỉnh lộ 15.
110.	NGUYỄN THỊ THÔN	Đặt tên cho đường số 435 ấp Phú Thuận (Xã Phú Hòa Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Mã Trắng.
111.	HỒ THỊ DẸP	Đặt tên cho đường số 435 ấp Phú Trung (Xã Phú Hòa Đông). Từ đường Mã Trắng đến đường Bà Khoan.
112.	TRƯỜNG THỊ NGUYẾT	Đặt tên cho đường số 435 Ấp Phú Lợi (Xã Phú Hòa Đông). Từ đường Bà Khoan đến Tỉnh lộ 15.
113.	NGUYỄN THỊ CHẮC	Đặt tên cho đường số 439 (Xã Phú Hòa Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Huỳnh Thị Bằng.
114.	NGUYỄN THỊ CHÂU	Đặt tên cho đường số 443 (Xã Phú Hòa Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến Tỉnh lộ 15.
115.	LÝ THỊ CHỪNG	Đặt tên cho đường số 441 (Xã Phú Hòa Đông). Từ Tỉnh lộ 15 đến hết tuyến (giáp ranh Xã Phạm Văn Cội).
116.	NGUYỄN THỊ NỮA	Đặt tên cho đường Công ty Eland (Xã Phú Hòa Đông). Từ đường Phú Mỹ đến đường Nguyễn Thị Nê.
117.	NGUYỄN THỊ NGỌT	Đặt tên cho đường Cây Cày (Xã Phú Hòa Đông). Từ đường Nguyễn Văn Khạ đến đường Nguyễn Thị Nê.
118.	PHÙNG THỊ LIÊU	Đặt tên cho đường Đồng Xã (Xã Phú Hòa Đông). Từ đường Cây Bài đến đường Bến Lợi.
119.	PHẠM THỊ TRÍCH	Đặt tên cho đường số 182 (Xã Bình Mỹ). Từ đường số 183 đến sông Sài Gòn.

120.	NGUYỄN THỊ NGHIÊM	Đặt tên cho đường số 184 (Xã Bình Mỹ). Từ Tỉnh lộ 8 đến sông Sài Gòn.
121.	ĐỒNG THỊ THIỆM	Đặt tên cho đường số 189 (Xã Bình Mỹ). Từ Tỉnh lộ 8 đến sông Sài Gòn.
122.	NGUYỄN THỊ DA	Đặt tên cho đường số 179 (Xã Bình Mỹ). Từ đường Hà Duy Phiên đến sông Sài Gòn.
123.	LÊ THỊ LÒN	Đặt tên cho đường số 180 (Xã Bình Mỹ). Từ đường Hà Duy Phiên đến sông Sài Gòn.
124.	TRƯƠNG THỊ THƠM	Đặt tên cho đường số 158 (Xã Bình Mỹ). Từ đường Hà Duy Phiên đến sông Sài Gòn.
125.	TRẦN THỊ TRÒ	Đặt tên cho đường số 154 (Xã Bình Mỹ). Từ đường số 153 đến đường Hà Duy Phiên.
126.	HUỲNH THỊ QUYẾN	Đặt tên cho đường số 149 (Xã Bình Mỹ). Từ đường Bình Mỹ đến hết tuyến (giáp ruộng Ấp 6B).
127.	HUỲNH THỊ DẦN	Đặt tên cho đường số 147 (Xã Bình Mỹ). Từ đường Bình Mỹ đến Rạch Tra.
128.	PHẠM THỊ TRĂM	Đặt tên cho đường số 141 (Xã Bình Mỹ). Từ đường Bình Mỹ đến Kênh Xáng.
129.	HỒ THỊ LAI	Đặt tên cho đường sau trụ sở UBND xã Tân Phú Trung. Từ Quốc lộ 22 đến hẻm 78, Quốc lộ 22.
130.	VÕ THỊ NGHĨ	Đặt tên cho đường Ông Nguyễn (Xã Tân Phú Trung). Từ đường Nguyễn Thị Lắng đến hết tuyến (giáp ruộng).
131.	NGUYỄN THỊ BI	Đặt tên cho đường Sinh - Ông Sáu Tét (Xã Tân Phú Trung) Từ đường Nguyễn Thị Lắng đến Kênh T2.
132.	LÊ THỊ NỬA	Đặt tên cho đường Ông Vê (Xã Tân Phú Trung). Từ Tỉnh lộ 2 đến đường Ấp Chợ - Ấp Xóm Đồng.
133.	VÕ THỊ NHÚA	Đặt tên cho đường lô 1 ấp Giữa – Bến Đò 2 (Xã Tân Phú Trung). Từ đường số 92 đến đường số 67.

134.	NGUYỄN THỊ BÂU	Đặt tên cho đường Út Tài – Xóm Bến (Xã Tân Phú Trung). Từ Quốc lộ 22 đến Kênh T10.
135.	TRẦN THỊ CẨM	Đặt tên cho đường Ấp Chợ - Xóm Đồng (Xã Tân Phú Trung). Từ Tỉnh lộ 2 đến đường Xóm Đồng – Ông Quéo.
136.	ĐẶNG THỊ BÌA	Đặt tên cho đường Nhựa Trạm Bom (Xã Tân Phú Trung). Từ Quốc lộ 22 đến Kênh N46.
137.	LÊ THỊ GIÓT	Đặt tên cho đường Phan Thành Lợi (Xã Tân Phú Trung). Từ Quốc lộ 22 đến Kênh N46.
138.	LÊ THỊ SẮC	Đặt tên cho đường Ông Đước (Xã Tân Phú Trung). Từ Quốc lộ 22 đến Kênh N46.
139.	NGUYỄN THỊ VUI	Đặt tên cho đường Ông Châu (đường 286) (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Trung Lập đến đường Trung Lập.
140.	HÀ THỊ KIỂM	Đặt tên cho đường Ông Kim (đường 284) (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Trung Lập đến đường 822.
141.	VÕ THỊ MỆO	Đặt tên cho đường Sáu Cừu (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ tỉnh lộ 15 đến Rạch Cầu Trắng.
142.	VÕ THỊ BÀNG	Đặt tên cho đường Phú Lợi - Phú Hiệp (đường 827) (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ tỉnh lộ 15 đến đường Trung Lập.
143.	PHẠM THỊ GĂNG	Đặt tên cho đường Bà Kỹ (đường D8) (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Phú Lợi – Phú Hiệp (đường 827) đến Rạch Cầu Trắng.
144.	VÕ THỊ LIA	Đặt tên cho đường Ông Chiến (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Phú Thuận đến đường Hồ Bò.
145.	CAO THỊ ĐẬU	Đặt tên cho đường Ông Ba Thủ (đường 820) (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Phú Thuận đến hết tuyến (giáp ranh đất nông trường Công ty TNHH MTV Bò Sữa).

146.	PHẠM THỊ QUỐI	Đặt tên cho đường Sáu Vân (đường 821) (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Phú Thuận đến hết tuyến (giáp ranh xã An Nhơn Tây).
147.	BÙI THỊ MỘNG	Đặt tên cho đường Ông Ba Đăng (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Ông Ba Thủ (đường 820) đến hết tuyến (giáp ranh đất nông trường Công ty TNHH MTV Bò Sữa).
148.	ĐỖ THỊ NAM	Đặt tên cho đường Ông Bảy Phúc (Xã Phú Mỹ Hưng). Từ đường Sáu Vân (đường 821) đến đường Đỗ Đăng Tuyển
149.	NGUYỄN THỊ CHUỖI	Đặt tên cho đường số 646 (Xã Phước Thạnh). Từ đường Võ Văn Điều đến Quốc lộ 22.
150.	LÊ THỊ NGHĨ	Đặt tên cho đường số 674 (Xã Phước Thạnh). Từ đường 641 đến đường 673.
151.	NGUYỄN THỊ QUÁ	Đặt tên cho đường số 642 (Xã Phước Thạnh). Từ Quốc lộ 22 đến đường 656.
152.	ĐỖ THỊ SÂN	Đặt tên cho đường số 643 (Xã Phước Thạnh). Từ đường 642 đến đường 657.
153.	PHAN THỊ SỆN	Đặt tên cho đường số 659 (Xã Phước Thạnh). Từ Kênh Đông đến đường Ba Sa.
154.	NGUYỄN THỊ TÂM	Đặt tên cho đường số 654 (Xã Phước Thạnh). Từ Tỉnh lộ 7 đến hẻm số 3, đường số 652.
155.	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Đặt tên cho đường số 667 (Xã Phước Thạnh). Từ Kênh Đông đến đường 706.
156.	PHẠM THỊ XẠ	Đặt tên cho đường 661 (Xã Phước Thạnh). Từ đường Văn Võ Điều đến đường 660.
157.	TRẦN THỊ HIỆU	Đặt tên cho hẻm 34 (Xã Phước Thạnh). Từ đường Võ Văn Điều đến hết tuyến (giáp ruộng ấp Mây Đàng).

158.	LÊ THỊ RẠCH	Đặt tên cho đường hẻm 27 (Xã Phước Thạnh). Từ đường 661 đến đường 660
159.	VÕ THỊ TRÁI	Đặt tên cho đường Nội đồng ấp 1A (Xã Phước Vĩnh An). Từ đường Ông Hòa – Bà Ngọc đến đường 426.
160.	LÊ THỊ CHÍNH	Đặt tên cho đường Suối Lợi – đường Nguyễn Thị Lăng (Xã Phước Vĩnh An). Từ đường Suối Lợi đến đường Nguyễn Thị Lăng.
161.	VÕ THỊ LỢI	Đặt tên cho đường Ông Hòa - Bà Ngọc (Xã Phước Vĩnh An). Từ đường Nguyễn Thị Lăng đến đường 430.
162.	LÊ THỊ NGÀ	Đặt tên cho đường Ông Khánh – cầu 31A (Xã Phước Vĩnh An). Từ đường Trần Văn Chảm đến Tỉnh lộ 2.
163.	NGUYỄN THỊ PHIA	Đặt tên cho đường Bàu Dài – Kênh Địa Phận (Xã Phước Vĩnh An). Từ đường Nguyễn Thị Lăng đến Kênh Địa Phận.
164.	MAI THỊ BUỘI	Đặt tên cho đường Ông Cội - K75 (Xã Phước Vĩnh An). Từ Tỉnh lộ 8 đến đường K75.
165.	LÊ THỊ ÂN	Đặt tên cho đường 456 (Xã Trung An). Từ đường Bàu Trâm đến Tỉnh lộ 8
166.	NGUYỄN THỊ NỈ	Đặt tên cho đường 455 (Xã Trung An). Từ đường Bàu Trâm đến Tỉnh lộ 8.
167.	N.GUYỄN THỊ KÉO	Đặt tên cho đường Hẻm 69 đường Bàu Trâm (Xã Trung An) Từ Rạch Cầu Tre đến đường Bàu Trâm .
168.	DƯƠNG THỊ PHUA	Đặt tên cho đường 459 (Xã Trung An). Từ Tỉnh lộ 15 đến Rạch Cầu Tre.
169.	NGUYỄN THỊ TRONG	Đặt tên cho đường 462 (Xã Trung An). Từ đường Võ Thị Hồng đến đường Sông Lu
170.	NGUYỄN THỊ NÂU	Đặt tên cho đường 456 (Xã Trung An). Từ đường 461 đến đường Trung An.

171.	VÕ THỊ MẶN	Đặt tên cho đường 469 (Xã Trung An). Từ đường Sông Lu đến đường 464.
172.	NGUYỄN THỊ HAI	Đặt tên cho đường 465 (Xã Trung An). Từ đường Trung An đến đường 469.
173.	BÙI THỊ LÀNH	Đặt tên cho đường 468 (Xã Trung An). Từ Rạch Cầu Tre đến đường Sông Lu.
174.	NGUYỄN THỊ MY	Đặt tên cho đường 460 (Xã Trung An). Từ Tỉnh lộ 15 đến đường Trung An
175.	NGUYỄN THỊ CHUÂN	Đặt tên cho đường số 10 (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Năm Châu đến Quốc lộ 22.
176.	PHAN THỊ CỘNG	Đặt tên cho đường số 20 (Xã Tân Thông Hội). Từ Quốc lộ 22 đến đường Lê Minh Nhựt.
177.	VÕ THỊ DÒN	Đặt tên cho đường số 11 (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Liêu Bình Hương đến đường Trần Văn Châm.
178.	NGUYỄN THỊ SE	Đặt tên cho đường Năm Châu (Xã Tân Thông Hội). Từ đường số 16 đến Quốc lộ 22.
179.	NGUYỄN THỊ HÉ	Đặt tên cho đường số 32 (Xã Tân Thông Hội). Từ Quốc lộ 22 đến đường Lê Minh Nhựt
180.	LÊ THỊ HỒI	Đặt tên cho đường Bà Cẩm – Sáu Ngán (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Lê Minh Nhựt đến Kênh N46.
181.	NGÔ THỊ NÀO	Đặt tên cho đường Ông Mum – Hai Gọng (Xã Tân Thông Hội). Từ đường số 54 đến đường số 47.
182.	NGUYỄN THỊ NHÚNG	Đặt tên cho đường Út Thoại (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Năm Châu đến hết tuyến (cách điểm đầu 274m).
183.	VÕ THỊ DU	Đặt tên cho đường Út Ghén (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Năm Châu đến Quốc lộ 22.
184.	HUỲNH THỊ THƠM	Đặt tên cho đường số 13 (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Liêu Bình Hương đến đường Trần Văn Châm.

185.	ĐỖ THỊ XÍCH	Đặt tên cho đường số 53 (Xã Tân Thông Hội). Từ đường Lê Minh Nhựt đến đường số 54.
------	-------------	---

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3763/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Công văn số 1026/UBND-PCNC ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 5892/STP-VB ngày 26 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 2.

1. Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đảm bảo đúng tiến độ được giao và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, chế độ đã quy định.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**Danh mục Quyết định quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân thành phố quy định những nội dung được giao
theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên**
(Ban hành kèm Quyết định số: 3763/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 7 năm 2017 của UBND thành phố)

STT	HÌNH THỨC VĂN BẢN	TÊN TRÍCH YẾU NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH
01.	Quyết định	Ban hành giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ tại các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giao thông vận tải	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý IV/2017
02.	Quyết định	Ban hành khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.	Sở Giao thông vận tải	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý IV/2017
03.	Quyết định	Ban hành Quy trình thực hiện thí điểm cơ chế một cửa liên thông điện tử trong công tác cấp Giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Năm 2017

04.	Quyết định	Ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ, tạm cư và tái định cư của các dự án cải tạo xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Xây dựng	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý IV/2017
05.	Quyết định	Ban hành Quy trình giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Xây dựng	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý III/2017
06.	Quyết định	Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Xây dựng	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý III/2017
07.	Quyết định	Ban hành Quy định cụ thể về tiêu chí ưu tiên để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Xây dựng	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Năm 2017
08.	Quyết định	Ban hành Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Tài chính	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý IV/2017
09.	Quyết định	Ban hành Quy định thời hạn, mẫu biểu báo cáo việc thực hiện thu chi ngân sách địa phương của cơ quan tài chính các cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới; tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Sở Tài chính	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Năm 2017

10.	Quyết định	Ban hành Quy định thời gian thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính cho các đơn vị dự toán cấp I các cấp địa phương	Sở Tài chính	Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận – huyện	Năm 2017
-----	------------	--	--------------	--	----------

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng